

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀNH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-UBND ngày 09/7/2026 của HĐND phường Hoàn Sơn)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2026	Ước đến 30/6		Đánh giá Đạt/Không đạt	HĐND phường điều chỉnh chỉ tiêu	Tăng giảm so với Nghị quyết đầu năm
				SL	Đạt tỷ lệ			
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	11,15	10,24	91,84%	Chưa đánh giá	11,15	
2	Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	%	100			Không Đạt	100	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	1,90	2,12	111,51%		1,90	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	60,64	59,21	97,64%		60,64	
	- Thương mại - Dịch vụ	%	37,46	38,67	103,23%		37,46	
	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	6.049,0	2.802,0	46,32%	Đạt	6.049,0	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	115,0	59,3	51,56%		115,0	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	3.668,0	1.659,1	45,23%		3.668,0	
	- Thương mại và dịch vụ	Tỷ đồng	2.266,0	1.083,6	47,82%		2.266,0	
	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh 2020	Tỷ đồng	5.693,9	2.613,7	45,90%	Đạt	5.693,9	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	103,97	53,60	51,55%		103,97	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	3.646,76	1.630,88	44,72%		3.646,76	
	- Thương mại và dịch vụ	Tỷ đồng	1.943,19	929,24	47,82%		1.943,19	
3	Tổng Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ các sắc thuế (bao gồm cả tiền sử dụng đất)	Tỷ đồng	108,55	61,47	56,63%	Đạt	154,85	46,30
	- Thu ngân sách phường hưởng từ các sắc thuế (bao gồm cả tiền sử dụng đất)	Tỷ đồng	50,45	22,38	44,36%		61,727	11,28

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2026	Ước đến 30/6		Đánh giá Đạt/Không đạt	HĐND phường điều chỉnh chỉ tiêu	Tăng giảm so với Nghị quyết đầu năm
				SL	Đạt tỷ lệ			
4	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	3.500	1800,00	51,43%	Đạt		
5	Thành lập mới Doanh nghiệp	Doanh nghiệp	50	32	64,00%	Đạt		
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	70,0		0,00%	Chưa đánh giá		
II	XÃ HỘI							
7	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá	%	97,00			Chưa đánh giá		
8	Tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	89,47			Chưa đánh giá	8/10	Sau sắp xếp còn 10 TDP
9	Tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia mức độ II	%	71,42	5/7	71,43%	Đạt		
10	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	97	83%	0,86%	Không Đạt		
11	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	%	50,0	49%	0,98%	Không Đạt		
12	Tỷ lệ hộ nghèo (giảm 0,3%)	%	1,16	1,47	Tăng tỷ lệ so với đầu năm do tổng số hộ giảm	Không đạt	1,2%	Tính theo tổng số hộ mới
13	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng (giảm 0,3%)	%	8,20	8,20	100,00%	Đạt		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	95,00	95,00	100,00%	Đạt		
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	82,00	66,19	80,72%	Không đạt		
15	Duy trì phường đạt chuẩn Đô thị văn minh	Đạt	Đạt	6/9 Tiêu chí		Không Đạt		

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2026	Ước đến 30/6		Đánh giá Đạt/Không đạt	HĐND phường điều chỉnh chỉ tiêu	Tăng giảm so với Nghị quyết đầu năm
				SL	Đạt tỷ lệ			
16	Tỷ lệ huy động trẻ em 3-5 tuổi đến trường	%	100	100,00	100,00%	Đạt		
III	ĐÔ THỊ, NƯỚC SẠCH, MÔI TRƯỜNG							
17	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	98,00	98,00	100,00%	Đạt		
18	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, hợp vệ sinh	%	95,00	95,00	100,00%	Đạt		
IV	CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ							
19	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 99%.	Đạt	Đạt			Đạt		
V	QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI							
20	Duy trì chuẩn an toàn về an ninh trật tự, cơ sở vững mạnh toàn diện	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt		
21	Tỷ lệ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.	%	100	100	100,00%	Đạt		
22	Đạt chỉ tiêu giao quân hằng năm	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG